

**BỘ XÂY DỰNG**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**VIỆN KIẾN TRÚC QUỐC GIA**

**NCS. NGUYỄN VĂN PHONG**

**BIẾN ĐỔI KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC LÀNG  
DÂN TỘC CƠ TU TỈNH QUẢNG NAM**

Chuyên ngành: Kiến trúc

Mã ngành: 9 58 01 01

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**HÀ NỘI - 2023**

Công trình được hoàn thành tại: **Viện Kiến trúc Quốc gia**

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. TS. Trương Văn Quảng
- 2. PGS.TS. Lương Tú Quyên

Phản biện 1: .....  
.....

Phản biện 2 .....  
.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp cơ sở họp tại  
Viện Kiến trúc Quốc gia  
vào hồi            giờ        ngày            tháng            năm

Luận án có thể được tìm hiểu tại:

- 1. Thư viện Quốc gia Việt Nam
- 2. Thư viện Viện Kiến trúc Quốc gia

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Cộng đồng dân tộc Cơ Tu tại Quảng Nam sống rất tập trung, có bản sắc văn hóa riêng và rất độc đáo. Về không gian cư trú, cộng đồng người Cơ Tu sống quây quần trong các làng, với những giá trị đặc trưng từ quy hoạch đến các công trình kiến trúc như Gươl, nhà ở, nhà mồ...

Quá trình phát triển kinh tế-xã hội, bên cạnh một số làng đang được bảo tồn về mặt cấu trúc, một số làng đã và đang được xây dựng, tái thiết theo mô hình làng truyền thống, tạo ra được những nét riêng, bản sắc; một số làng khác đã biến đổi theo hướng không giữ được các giá trị về tổ chức không gian làng, kiến trúc các công trình truyền thống, không gian ở theo hướng “Kinh hóa”, không có bản sắc riêng.

Định hướng không gian kiến trúc làng dân tộc thiểu số nói chung và dân tộc Cơ Tu nói riêng theo hướng phát triển tiếp nối vừa kế thừa các giá trị truyền thống cốt lõi, vừa tiếp nhận có chọn lọc các giá trị mới có tính thời đại để phù hợp với nhu cầu hiện tại và tương lai; tạo dựng không gian cư trú có chất lượng cả về vật chất và tinh thần; đáp ứng sinh kế, đảm bảo giữ gìn được những giá trị cốt lõi của truyền thống, góp phần xây dựng làng dân tộc Cơ Tu có bản sắc. Việc nghiên cứu đặc điểm biến đổi không gian kiến trúc làng dân tộc Cơ Tu trong thời gian qua; dự báo hướng biến đổi trong thời gian tới và đề xuất định hướng phát triển tiếp nối là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

Nhận diện đặc điểm biến đổi không gian kiến trúc làng dân tộc Cơ Tu tỉnh Quảng Nam; dự báo biến đổi trong giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn năm 2050; đề xuất định hướng không gian kiến trúc theo hướng phát triển tiếp nối, đảm bảo nâng cao điều kiện định cư; phát triển hài hòa thân thiện, duy trì giá trị văn hóa đặc trưng.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** Không gian kiến trúc làng dân tộc Cơ

*Tu tỉnh Quảng Nam.*

**- Phạm vi nghiên cứu**

+ *Về mặt không gian:* Các làng dân tộc Cơ Tu ở các huyện Đông Giang, Tây Giang và Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

+ *Về mặt thời gian:* từ các tài liệu về làng dân tộc Cơ Tu truyền thống, luận án khảo sát biến đổi không gian kiến trúc làng trong giai đoạn từ năm 2000 đến nay; dự báo theo các định hướng, quy hoạch giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ *Lựa chọn các làng khảo sát:* Luận án lựa chọn 04 làng nghiên cứu sâu trong 40 làng nghiên cứu phân lõi làng.

**4. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án được tiếp cận từ nhiều ngành (nhân học văn hóa, quy hoạch kiến trúc, định cư...) và áp dụng các phương pháp điều tra xã hội học; phân tích viễn thám và bản đồ; phương pháp điền dã; phương pháp dự báo theo kịch bản; phương pháp kế thừa, phương pháp so sánh và phương pháp phân tích tổng hợp.

**5. Những đóng góp mới của luận án**

- Nhận diện các đặc điểm biến đổi không gian kiến trúc làng: Xác lập cơ sở dữ liệu về không gian kiến trúc làng dân tộc Cơ Tu. Đề xuất khái niệm lõi làng truyền thống. Xác định các đặc điểm biến đổi ở 4 cấp độ không gian: mạng lưới dân cư; không gian cư trú; KGCD và lõi làng; các công trình kiến trúc.

- Dự báo biến đổi giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn năm 2050: Xác định các xu hướng biến đổi không gian kiến trúc làng. Dự báo các kịch bản chính đối với các làng có lõi làng.

- Đề xuất mô hình phát triển theo hướng tiếp nối bao gồm 2 thành phần chính: lõi làng truyền thống cố định và không gian phát triển tiếp nối linh hoạt.

**6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn**

*a. Ý nghĩa khoa học:* Hệ thống hóa quá trình hình thành và biến đổi

không gian kiến trúc làng dân tộc Cơ Tu qua các thời kỳ; đưa ra các luận cứ khoa học về biến đổi không gian kiến trúc làng, bao gồm các yếu tố tác động, đặc điểm biến đổi; dự báo xu hướng biến đổi, làm cơ sở khoa học để áp dụng trong quy hoạch không gian kiến trúc các làng; tài liệu phục vụ công tác, góp phần xây dựng cơ chế chính sách, tiêu chuẩn quy phạm về quy hoạch, định hướng kiến trúc dân tộc thiểu số, miền núi tại tỉnh Quảng Nam và các khu vực lân cận..

**b. Ý nghĩa thực tiễn:** Áp dụng cụ thể trong công tác quy hoạch, kiến trúc làng, góp phần bảo vệ các giá trị truyền thống, nâng cao chất lượng về tổ chức không gian kiến trúc làng dân tộc, nông thôn miền núi; tạo lập các đô thị và nông thôn có bản sắc; cơ sở hình thành những đô thị và làng có “thương hiệu” dân tộc Cơ Tu.

## **7. Các khái niệm và thuật ngữ sử dụng trong luận án**

Lỗi làng: Lỗi làng là một thành phần trong không gian kiến trúc làng, là một trọng tâm truyền thống, nơi cư trú tập trung của các hộ gia đình người Cơ Tu gắn kết với nhau trong sản xuất, sinh hoạt và các hoạt động xã hội; bao gồm không gian cộng đồng gắn với Gươl ở giữa và khu vực nhà ở xung quanh.

Các thuật ngữ khác: Không gian kiến trúc làng; Biến đổi không gian kiến trúc làng; Không gian cộng đồng; Phát triển tiếp nối.

## **8. Cấu trúc của luận án**

Ngoài phần Mở đầu (10 trang), kết luận (02 trang), tài liệu tham khảo (07 trang), phụ lục (26 trang), nội dung của luận án được trình bày trong 3 chương:

Chương 1. Tổng quan về biến đổi không gian kiến trúc làng dân tộc Cơ Tu tỉnh Quảng Nam.

Chương 2. Cơ sở khoa học để nhận diện đặc điểm biến đổi không gian kiến trúc làng dân tộc Cơ Tu, tỉnh Quảng Nam.

Chương 3. Biến đổi không gian kiến trúc làng dân tộc Cơ Tu tỉnh Quảng Nam và định hướng phát triển tiếp nối.

## **PHẦN NỘI DUNG**

### **Chương 1. TỔNG QUAN VỀ BIẾN ĐỔI KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC LÀNG DÂN TỘC CƠ TU TỈNH QUẢNG NAM**

#### **1.1. Tổng quan về biến đổi không gian kiến trúc làng dân tộc thiểu số trên thế giới và Việt Nam**

Các làng dân tộc thiểu số thường gắn với vùng cao, vùng xa, có vị trí địa lý không thuận lợi, nền kinh tế và mức sống kém phát triển. Tuy nhiên, thường có cảnh quan tự nhiên hấp dẫn, nhiều giá trị văn hóa đặc sắc. Nhiều quốc gia đã có những chương trình, dự án để đảm bảo duy trì, phát huy giá trị làng truyền thống, dân tộc thiểu số như Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Nam Á...

Ở Việt Nam, quá trình biến đổi không gian kiến trúc làng dân tộc thiểu số gắn liền với các chương trình sắp xếp dân cư, định canh, định cư; tái định cư phục vụ các dự án lớn; xây dựng nông thôn mới. Trong thực tiễn, có nhiều bài học kinh nghiệm như Tây Nguyên với sự biến đổi, suy giảm của hệ sinh thái văn hóa rừng; Làng biến đổi theo mô hình làng kinh tế sinh thái; Làng biến đổi theo hướng bảo tồn phục vụ du lịch...

#### **1.2. Khái quát về dân tộc Cơ Tu tỉnh Quảng Nam**

- Về dân số và phân bố dân cư, năm 2019, người Cơ Tu trên toàn quốc có 74.173 người, trong đó tập trung chủ yếu ở Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung. Tại Quảng Nam, người Cơ Tu chủ yếu phân bố tại 03 huyện Tây Giang (khoảng 90% tổng dân số toàn huyện), Đông Giang (trên 70% dân số) và Nam Giang (trên 50% dân số).

- Về lịch sử phát triển không gian kiến trúc làng, giai đoạn trước 1975 chủ yếu là du canh du cư, các làng không ổn định; giai đoạn 1975-1985 là giai đoạn định cư; giai đoạn 1985-2000 ưu tiên cho các biến đổi trong hoạt động sản xuất nông lâm nghiệp; giai đoạn 2000 đến nay, không gian kiến trúc làng có những chuyển biến mạnh mẽ.

### 1.3. Truyền thống và thực trạng không gian kiến trúc làng dân tộc Cơ Tu tỉnh Quảng Nam:

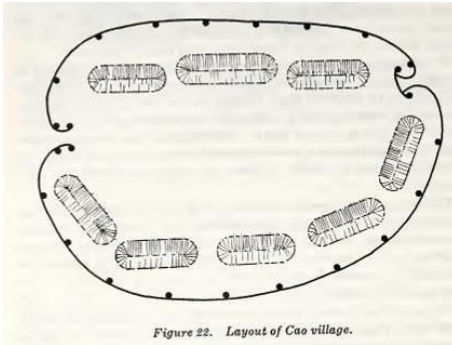
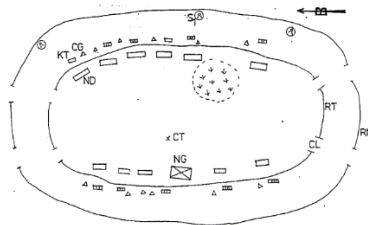


Figure 22. Layout of Cao village.



Hình 49 : Dạng làng hình bầu dục của người Cơ Tu

Chú thích :

NG : nhà gỗ

ND : nhà dân

V : vườn

VS : nhà vệ sinh

CL : cổng làng

K : kho thóc

CG : chuồng gà

CT : cột "dầu trầu"

a) Làng Cơ Tu truyền thống trong “Minority groups in the Republic of Vietnam”

b) Dạng làng hình bầu dục của người Cơ Tu theo Nguyễn Khắc Tụng

Hình 1.1 Hình dạng làng truyền thống dân tộc Cơ Tu

Bảng 1.2. Bảng so sánh truyền thống và thực trạng không gian kiến trúc làng dân tộc Cơ Tu

Stt	Tiêu chí	Truyền thống	Thực trạng
1	Mạng lưới dân cư		
a)	Mạng lưới dân cư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tính độc lập, gắn với không gian tự nhiên</li> <li>- Truyền thống du canh du cư, vị trí làng thường xuyên thay đổi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các làng có tính liên kết với nhau bằng trục giao thông, các cụm làng... Xuất hiện đô thị, trung tâm xã.</li> <li>- Các làng định canh định cư</li> </ul>
b)	Các khu chức năng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rừng tự nhiên đóng vai trò quan trọng</li> <li>- Không gian sản xuất không gắn liền với khu ở. Kiến trúc nhà mong, zong phục vụ sản xuất</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rừng tự nhiên cơ bản vẫn còn, song thay đổi về cách thức khai thác, sở hữu.</li> <li>- Vai trò của khu sản xuất gắn liền với khu ở không lớn. Nhà mong, zong phục vụ sản xuất theo hướng đơn giản, vật liệu mới.</li> </ul>
2	Không gian cư trú		
	Vị trí, địa hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gần với nguồn nước</li> <li>- Gần khu sản xuất, gần với rừng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn nước có thể xa hơn.</li> <li>- Gần khu sản xuất, song rừng càng ngày càng xa.</li> </ul>

Stt	Tiêu chí	Truyền thống	Thực trạng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yếu tố tâm linh đóng vai trong quan trọng trong chọn đất lập làng.</li> <li>- Vùng cao ráo. Toàn bộ làng xây dựng trên một mặt bằng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có sự tham gia của chính quyền, thông qua công tác quy hoạch, đầu tư.</li> <li>- Các vệt dân cư theo tuyến...</li> </ul>
	Về quy mô	Khoảng 5-50 nhà	Xuất hiện các làng có quy mô lớn (trung tâm xã, trung tâm thôn) bên cạnh các làng nhỏ khác. Một số làng có quy mô 50-100 hộ.
	Về cấu trúc	Làng có tính đóng, phòng thủ Hình khép kín, phổ biến dạng oval Có hàng rào xung quanh làng	Nhiều dạng cấu trúc khác nhau như: Các làng giao thông khép kín có lối làng gắn với Gươl; Các làng ô bàn cờ; Các làng dạng hình tia; Các làng dạng tuyến, rẽ nhánh...
	Thành phần dân cư	Có các mối quan hệ họ hàng huyết thống và hôn nhân. 1-2 dòng họ chính.	Cơ bản chỉ cận cư chứ không có xen cư, không gian sinh sống của người dân tộc Cơ Tu vẫn có tính độc lập
	Hạ tầng kỹ thuật	Nghĩa địa: ở phía Tây. Phân biệt nghĩa địa dành cho chết lành và chết dữ. Cấp nước: nguồn nước riêng từng làng.	Nghĩa địa: theo quy hoạch.  Cấp nước: nguồn nước không còn quá quan trọng.
3	Không gian cộng đồng và lối làng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xuất phát không gian cư trú cũng là không gian cộng đồng.</li> <li>- Đảm bảo nguyên tắc hướng tâm: các nhà xung quanh đều có thể nhìn thấy trực tiếp không gian cộng đồng và Gươl.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa dạng về quy mô (diện tích, số hộ), cấu trúc... song về cơ bản vẫn giữ được các đặc trưng truyền thống</li> </ul>



Stt	Tiêu chí	Truyền thống	Thực trạng
4	Các công trình kiến trúc		
a)	Nhà ở	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà dài: dùng chung cho nhiều bếp, độ dài của nhà tùy thuộc vào quy mô và số bếp, số người trong gia tộc</li> <li>- Nhà sàn: hình thức gần giống với Grol nhưng nhỏ hơn</li> <li>- Nhà nửa sàn nửa đất</li> <li>- Nhà trệt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà dài: chủ yếu mang tính trung bày, phục vụ du lịch.</li> <li>- Loại nhà phổ biến là nhà trệt, nhà sàn.</li> </ul>
b)	Nhà làng truyền thống (Grol)	<p>Là ngôi nhà to nhất, cao nhất và đẹp nhất trong làng, vừa như là bộ mặt làng, vừa như là linh hồn của làng.</p> <p>Nơi diễn ra các hoạt động cộng đồng, các lễ hội truyền thống.</p> <p>Trang trí, điêu khắc đặc trưng.</p> <p>Kết cấu đặc trưng, chủ yếu dựa vào cột “bố”.</p> <p>Vật liệu địa phương.</p>	<p>Đa số vẫn giữ được hình thức truyền thống. Song có một số Grol biến đổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Về công năng: bổ sung công năng mới</li> <li>+ Về vật liệu: thay đổi vật liệu mới: bê tông cốt thép, mái tôn...</li> </ul>

### 1.3.1. Thực trạng mạng lưới dân cư

Hiện nay, mạng lưới phân bố dân cư thể hiện rõ tính tầng bậc. Trong đó có 3 đô thị loại 5; 100% số xã được quy hoạch, xây dựng khu Trung tâm xã; Các trung tâm thôn đã được rà soát, sắp xếp các thôn theo hướng tổ chức lại, giảm số lượng thôn; 197 làng.

### 1.3.2. Thực trạng không gian cư trú

Về vị trí, các làng của đồng bào dân tộc Cơ Tu chủ yếu nằm gần các trục giao thông chính, chịu sự chi phối bởi công tác quy hoạch, sắp xếp dân cư của chính quyền. Về quy mô, các làng dân tộc Cơ Tu ngày nay có quy mô không đồng đều, đã xuất hiện các làng lớn (tại các khu trung tâm xã, trung tâm thôn) bên cạnh các làng nhỏ khác. Về cấu trúc,

có nhiều dạng cấu trúc khác nhau như: các làng giao thông khép kín có lõi làng gắn với Gươl; các làng ô bàn cờ; các làng dạng hình tia; các làng dạng tuyến, rẽ nhánh... Về thành phần dân cư trong phạm vi làng, đặc biệt là trong phạm vi lõi làng, hình thái cư trú xen cư giữa người Cơ Tu với các dân tộc khác rất ít xảy ra; đại đa số người đồng bào dân tộc Cơ Tu tại các làng đều không cận cư hoặc xen cư với các dân tộc khác. Về hạ tầng kỹ thuật: Nghĩa địa xây dựng theo quy hoạch, không còn phân biệt chết lành, dữ như truyền thống. Khu vực đô thị, nghĩa trang không phân biệt làng, thôn; dân tộc Kinh hay Cơ Tu.

### **1.3.3. Thực trạng không gian cộng đồng và lõi làng:**

Thực trạng hiện nay không gian cộng đồng biến đổi theo nhiều dạng cấu trúc làng khác nhau. Trong đó, các làng có lõi làng gắn với Gươl thể hiện rõ nhất tính truyền thống của dân tộc Cơ Tu. Qua khảo sát, điền dã, NCS đã hệ thống 40 làng có lõi làng truyền thống, nơi cư trú tập trung của các hộ gia đình người Cơ Tu gắn kết với nhau trong sản xuất, sinh hoạt và các hoạt động xã hội.

**1.3.4. Các công trình kiến trúc đặc trưng:** Các công trình kiến trúc phổ biến của người Cơ Tu là nhà sàn để ở (dong dhrong), Gươl, nhà moong, nhà kho, chòi rẫy, túp lều thổ cẩm, nhà mồ.

**1.4. Các công trình khoa học và nghiên cứu có liên quan:** Bao gồm các tài liệu, nghiên cứu về dân tộc Cơ Tu (nghiên cứu tổng quát về dân tộc; về quy hoạch, kiến trúc); nghiên cứu về biến đổi không gian làng dân tộc thiểu số trên thế giới; nghiên cứu về không gian kiến trúc làng và làng dân tộc thiểu số ở Quảng Nam và Việt Nam.

### **1.5. Những vấn đề luận án quan tâm giải quyết**

- Nhận diện đặc điểm biến đổi không gian kiến trúc làng dân tộc Cơ Tu tỉnh Quảng Nam.

- Định hướng phát triển tiếp nối không gian kiến trúc làng dân tộc Cơ Tu tỉnh Quảng Nam.

## **Chương 2. CƠ SỞ KHOA HỌC ĐỂ NHẬN DIỆN ĐẶC ĐIỂM BIẾN ĐỔI KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC LÀNG DÂN TỘC CƠ TU, TỈNH QUẢNG NAM**

### **2.1. Cơ sở lý thuyết**

Luận án nghiên cứu 03 nhóm lý thuyết chính. Nhóm thứ nhất về biến đổi mạng lưới dân cư nông thôn (các yếu tố hình thành khu định cư và các cơ sở biến đổi quy mô làng). Nhóm thứ hai về nhận diện đặc điểm biến đổi không gian kiến trúc làng (hình thái học, các yếu tố tạo dựng đặc trưng hình ảnh, nơi chốn). Nhóm thứ ba về bảo tồn thích ứng, phát triển tiếp nối (kiến trúc bản địa, bảo tồn thích ứng - mô hình định cư phát triển tiếp nối).

### **2.2. Phương pháp nhận diện đặc điểm biến đổi không gian kiến trúc làng**

Phương pháp phân loại, lựa chọn làng nghiên cứu dựa vào mục tiêu nghiên cứu, trên cơ sở các xu hướng biến đổi, cấu trúc không gian chính (có lõi làng và không có lõi làng), tính chất kinh tế (nông lâm nghiệp, phi nông nghiệp) để chọn 4 làng nghiên cứu sâu trong 40 làng có lõi làng được khảo sát.

Luận án lựa chọn cách tiếp cận liên ngành (nhân học văn hóa, quy hoạch kiến trúc, định cư...). Trong đó, các yếu tố không gian kiến trúc làng được xem xét trọng tâm là lý thuyết về hình thái học. Không gian kiến trúc làng được đặt trong quan hệ mật thiết với không gian văn hóa-xã hội, không gian kinh tế với cơ sở khoa học để phân tích là lý thuyết về định cư. Đề xuất mô hình dựa trên phương pháp bảo tồn thích ứng, với trọng tâm là phát hiện và gìn giữ những giá trị cốt lõi.

### **2.3. Cơ sở pháp lý**

- Khu vực dân tộc thiểu số luôn được chính quyền quan tâm bằng nhiều chính sách. Tuy nhiên, có sự thay đổi trong thứ tự ưu tiên, cách tiếp cận phát triển từng thời kỳ, điều này tác động đến không gian kiến

trúc làng theo từng thời kỳ khác nhau.

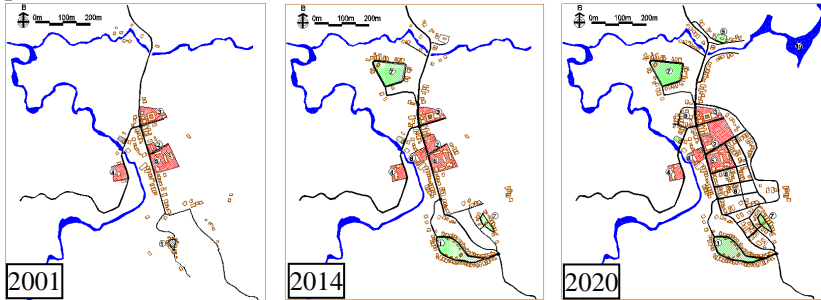
- Các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn còn tồn tại một số vấn đề như: Chưa xác định cụ thể các chỉ tiêu đặc thù cho làng dân tộc thiểu số (về đất đai, công trình công cộng); Quy mô các điểm dân cư không phù hợp với đặc thù mật độ dân cư rất thấp...

- Các quy hoạch trên địa bàn có đầy đủ, đảm bảo tính hệ thống. Tuy nhiên, chất lượng chưa cao, chưa có phần định hướng trực tiếp về quy hoạch kiến trúc làng theo hướng tiếp nối.

## **2.4. Kết quả khảo sát một số làng dân tộc Cơ Tu, tỉnh Quảng Nam về đặc điểm biến đổi không gian kiến trúc làng**

### **2.4.1. Làng Por'ning – biến đổi khu trung tâm cụm xã**

Làng Por'ning được khảo sát tại các thời điểm năm 2001, 2014 và giai đoạn năm 2020. Theo đó, quá trình biến đổi không gian kiến trúc làng đã bảo tồn được 01 lõi làng truyền thống; tái thiết được 02 cụm dân cư với lõi làng. Hình thành các khu vực phát triển mới để hỗ trợ các chức năng của trung tâm cụm xã, phục vụ chỗ ở cho các thành phần dân tộc khác nhau.

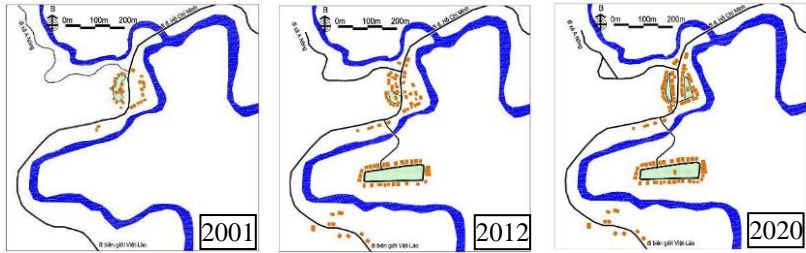


*Hình 2.3. Quá trình biến đổi không gian kiến trúc làng Por'ning, xã Lăng*

### **2.4.2. Làng Tà Vàng – tái thiết làng cũ**

Làng Tà Vàng được khảo sát tại các thời điểm năm 2001, 2012 và giai đoạn năm 2020. Theo đó, quá trình biến đổi không gian kiến trúc làng Tà Vàng đã tái thiết được các cụm dân cư với lõi làng. Khu vực ngoài lõi làng có các công trình theo tuyến để hỗ trợ các chức năng,

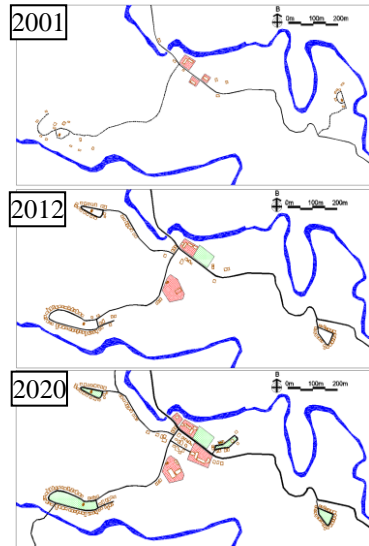
phục vụ chỗ ở cho các thành phần dân tộc khác nhau.



Hình 2.4. Quá trình biến đổi không gian kiến trúc làng Tà Vàng, xã A Tiêng

#### 2.4.3. Làng A Nông – điểm dân cư nông lâm nghiệp

Làng Por'ning được khảo sát tại các thời điểm năm 2001, 2012 và giai đoạn năm 2020. Làng A Nông là điển hình của việc xây dựng các làng với lõi làng có quy mô lớn để phục vụ cho quá trình sắp xếp dân cư, từ các cụm có quy mô nhỏ. Khu vực ngoài lõi làng có các công trình tập trung tại khu trung tâm xã để hỗ trợ các chức năng, phục vụ chỗ ở cho các thành phần dân tộc khác nhau.



Hình 2.5. Quá trình biến đổi không gian kiến trúc tại xã A Nông

#### 2.4.4. Làng Bhađuh – Làng Tái định cư thủy điện lần 2

Trong quá trình xây dựng thủy điện A Vương đã tác động đến khoảng hơn 300 hộ và hơn 1.500 nhân khẩu. Trước tái định cư, các làng K'la, Alua, Pache Palanh toàn nhà sàn, cấu trúc làng theo vòng tròn, nhà cộng đồng nằm chính giữa, nhà ở bao bọc xung quanh. Giai đoạn 2004-2005, Khu tái định cư Alua và K'la được xây dựng, bên cạnh lòng hồ thủy điện, với nhà ở được bố trí thành 03 tầng dọc theo các đường đồng mức. Các điểm tái định cư (lần 1) bố trí trên địa hình hẹp và dốc, mặt

bằng cư trú được tạo từ san ủi theo dạng tuyến.

Đến năm 2012, chính quyền huyện Tây Giang đã phải tổ chức tái định cư thêm một lần nữa, với vị trí mới cách vị trí tái định cư hiện hữu khoảng 1,5-2,0km về phía thượng nguồn. Khu Tái tái định cư tại Bhađuh được quy hoạch xây dựng với mô hình truyền thống, bao gồm 03 cụm gắn với 03 khu sinh hoạt cộng đồng.

Sự thất bại của làng tái định cư lần 1 có thể rút ra một số bài học: Quá trình quy hoạch, xây dựng khu định cư của đồng bào dân tộc bên cạnh các yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn (đã được tuân thủ khi xây dựng khu tái định cư lần 1) cần đáp ứng các yêu cầu phù hợp với phong tục tập quán, văn hóa địa phương; sự tham gia của người dân trong công tác quy hoạch, xây dựng nhà ở cần được tổ chức phù hợp...

## **2.5. Kết quả điều tra xã hội học**

Tổng số phiếu điều tra là 198 phiếu. Đối tượng điều tra là các hộ dân trong phạm vi của 40 làng khảo sát. Kết quả điều tra đã chỉ ra thực trạng và mong muốn của bà con trong các lĩnh vực chính như: sinh kế và không gian sản xuất; nhu cầu và chức năng không gian cộng đồng; nhà ở và không gian cư trú; hạ tầng kỹ thuật; đánh giá chung.

## **2.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến biến đổi không gian kiến trúc làng**

Cơ sở để phân tích nguyên nhân biến đổi của không gian kiến trúc làng dân tộc Cơ Tu được tiếp cận theo hướng lý thuyết định cư. Trên cơ sở các đặc thù riêng của làng dân tộc thiểu số, nguyên nhân biến đổi của 4 thành phần không gian (mạng lưới phân bố dân cư, không gian cư trú, không gian lõi làng và các công trình kiến trúc) chịu sự tác động của 6 thành tố định cư chính: (1) Tài nguyên thiên nhiên, (2) Tài nguyên nhân văn, (3) Tổ chức sinh kế, (4) Tổ chức sống, quản trị, (5) Tổ chức cộng sinh, (6) Công nghệ, vật liệu. Mức độ tác động của 6 thành tố định cư này đến 4 thành phần không gian được đánh giá theo các cấp độ: không tác động, tác động ít, tác động trung bình, tác động lớn, tác động rất lớn; có sự thay đổi giữa truyền thống và hiện tại.

### **Chương 3. ĐẶC ĐIỂM BIẾN ĐỔI KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC LÀNG DÂN TỘC CƠ TU TỈNH QUẢNG NAM VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TIẾP NỐI**

#### **3.1. Quan điểm, yêu cầu và mục tiêu**

Luận án xác lập các quan điểm nghiên cứu trên cơ sở đảm bảo sự bình đẳng các dân tộc, không gian kiến trúc làng là không gian thực hành văn hóa, là nguồn lực, là nền tảng góp phần phát triển kinh tế-xã hội theo hướng bền vững; việc phát triển tiếp nối nhằm đáp ứng tốt hơn cuộc sống của người dân trong điều kiện mới là một nhu cầu chính đáng cần tôn trọng. Trên cơ sở các yêu cầu, xác định 03 mục tiêu chính:

- Mục tiêu 1: Đáp ứng yêu cầu phân bố dân cư có tầng bậc, đa dạng về loại hình ở, đảm bảo việc phát triển tiếp nối làng theo các xu hướng biến đổi: các làng phát triển tiếp nối từ một làng hiện hữu, các làng hình thành mới và một khu ở trong khu trung tâm, đô thị.

- Mục tiêu 2: Các điểm dân cư hướng đến các tiêu chí của điểm định cư bền vững, đảm bảo tính ổn định lâu dài.

- Mục tiêu 3: Tạo lập không gian ở theo đặc trưng riêng biệt theo truyền thống dân tộc Cơ Tu, nâng cao chất lượng hạ tầng khu dân cư.

#### **3.2. Đặc điểm biến đổi không gian kiến trúc làng dân tộc Cơ Tu**

##### **3.2.1. Biến đổi mạng lưới dân cư: thể hiện qua 03 đặc điểm chính:**

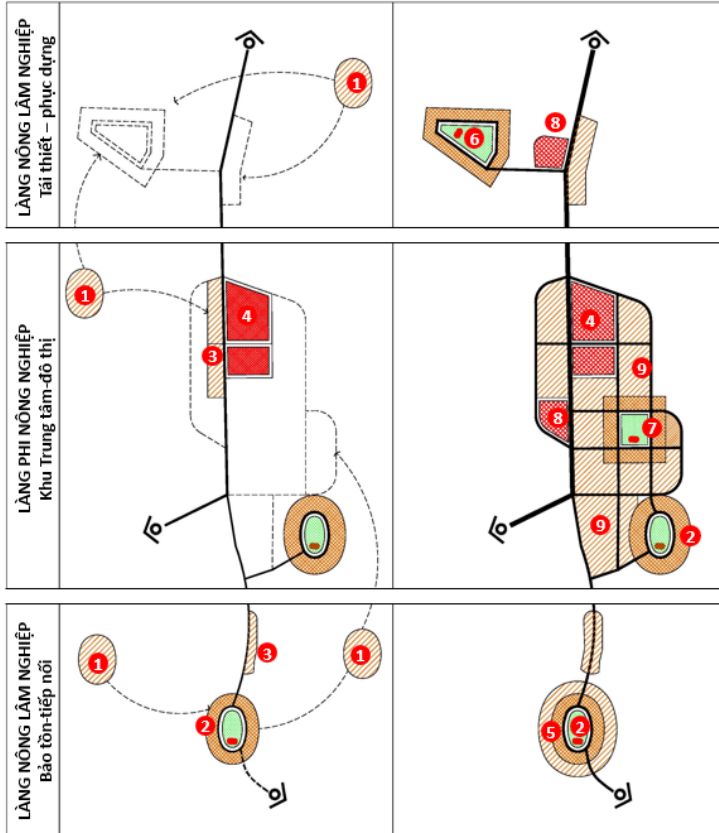
- Biến đổi về vị trí định cư: Chính quyền là nhân tố quyết định, dựa trên công cụ quy hoạch; có lấy ý kiến cộng đồng dân cư. Tiêu chí về cộng sinh, tăng cường các kết nối xã hội đóng vai trò ngày càng quan trọng, gồm: kết nối về kinh tế (gắn các cơ sở tạo ra công ăn việc làm); kết nối về xã hội (dịch chuyển gắn các cơ sở về giáo dục, y tế, văn hóa thể thao); kết nối giao thông.

- Sự xuất hiện các làng có tính chất kinh tế ngoài nông-lâm nghiệp gắn với sự xuất hiện các khu chức năng, các cơ sở kinh tế có sức hút và khả năng tạo thị.

- Biến đổi quy mô làng với xuất hiện của các làng trung tâm, khu dân cư có quy mô lớn, biến mất các làng quy mô nhỏ.

### 3.2.2. Biến đổi không gian cư trú

Nhận diện biến đổi không gian cư trú đồng bào dân tộc Cơ Tu dựa trên 5 yếu tố: Ranh giới; mạng lưới tuyến; tuyến cảnh quan; diện; điểm; chia theo 3 nhóm làng:



Ghi chú:

1. Các điểm dân cư di dời

2. Lối làng truyền thống giữ lại

3. Dân cư theo tuyến

4. Các công trình công cộng

5. Không gian phát triển tiếp nối

6. Làng nông lâm nghiệp phục dựng theo kiểu truyền thống

7. Làng phi NN hình thành mới theo kiểu đô thị

8. Các công trình công cộng (bổ sung)

9. Khu dân cư kiểu đô thị

Hình 3.6. Quá trình biến đổi không gian cư trú

Bảng 3.1. Tổng hợp các đặc điểm biến đổi không gian cư trú



Yếu tố không gian	Làng nông lâm nghiệp		Làng phi nông nghiệp tại các khu trung tâm, đô thị
	Làng bảo tồn tiếp nối	Làng tái thiết, phục dựng	
Ranh giới	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu vực lõi làng: giữ nguyên lõi làng hiện hữu</li> <li>- Khu vực phát triển tiếp nối: Ranh giới mở rộng theo hướng hình tia hoặc đồng dạng với làng cũ; với làng cũ đóng vai trò trung tâm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu vực lõi làng: Hình thành mới, phạm vi ranh giới không trùng với làng cũ</li> <li>- Khu vực phát triển tiếp nối: chủ yếu nằm trên các tuyến đường đối ngoại dẫn vào làng. Việc mở rộng lõi làng không nhiều.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu vực lõi làng: được sắp xếp, nâng cấp hạ tầng, chỉnh trang cục bộ.</li> <li>- Khu vực phát triển tiếp nối: Lõi làng mở rộng về tất cả các hướng. Ranh giới lõi làng và phát triển tiếp nối không rõ ràng.</li> </ul>
Mạng lưới tuyến	<p>Hình thành rõ tuyến giao thông nội bộ làng. Các tuyến vẫn khép kín song hình dạng tự do, bám theo nhà hiện trạng</p> <p>Tuyến vào làng chủ yếu là đường cụt (không có giao thông đối ngoại xuyên qua)</p>	<p>Tuyến quy hoạch mới, khép kín song chủ yếu là các đường thẳng.</p> <p>Nhiều làng có giao thông đối ngoại trùng với giao thông nội bộ</p>	<p>Mô hình giao thông dạng ô bàn cờ.</p> <p>Mạng lưới giao thông không phân biệt rõ nội bộ và đối ngoại</p>
Tuyến cảnh quan	- Các tuyến đối ngoại dựa trên cảnh quan nông lâm nghiệp;	- Các tuyến đối ngoại dựa trên cảnh quan nông lâm nghiệp;	- Các tuyến đối ngoại vừa là giao thông, vừa là phố; thường bố trí cho dân cư, công trình cả 2 bên.
Diện	<p>Cơ bản là vùng cảnh quan nông nghiệp nông thôn</p> <p>- Chức năng sử dụng đất chính là ở và không gian cộng đồng</p> <p>- Mật độ và tầng cao xây dựng thấp, các ô thửa có kích thước không đồng đều</p>	<p>Cơ bản là vùng cảnh quan nông nghiệp nông thôn</p> <p>- Chức năng sử dụng đất chính là ở và không gian cộng đồng</p> <p>- Mật độ và tầng cao xây dựng thấp, các ô thửa có kích thước tương đối đồng đều</p>	<p>Cơ bản là vùng cảnh quan đô thị</p> <p>- Chức năng sử dụng đất: ngoài chức năng ở và không gian cộng đồng, các công trình công cộng, thương mại đóng vai trò lớn.</p> <p>- Mật độ và tầng cao xây dựng trung bình và cao</p> <p>+ Các công trình cộng cộng phục vụ chung</p>

Yếu tố không gian	Làng nông lâm nghiệp		Làng phi nông nghiệp tại các khu trung tâm, đô thị
	Làng bảo tồn tiếp nối	Làng tái thiết, phục dựng	
	+ Các công trình cộng cộng không gắn liền với nhà ở, cự ly tùy thuộc vào địa hình, quỹ đất.	+ Các công trình cộng cộng có thể gắn liền với nhà ở, cự ly được tính toán đảm bảo cự ly phù hợp.	cho nhiều làng, các dân tộc khác.
Điểm	Không gian cộng đồng gắn với Gươl là điểm nhấn Hình thức kiến trúc điểm nhấn truyền thống	Không gian cộng đồng gắn với Gươl là điểm nhấn Hình thức kiến trúc điểm nhấn có biến đổi	Điểm nhấn dạng đô thị với quảng trường, công viên, công trình hành chính... Hình thức kiến trúc hiện đại

### 3.2.3. Biến đổi không gian cộng đồng và lõi làng

- Biến đổi công năng: Bổ sung các chức năng mới phục vụ các hoạt động thể thao, cả thể thao thi đấu và hàng ngày; phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp (sân phơi các sản phẩm...), chỗ đỗ xe ô tô...

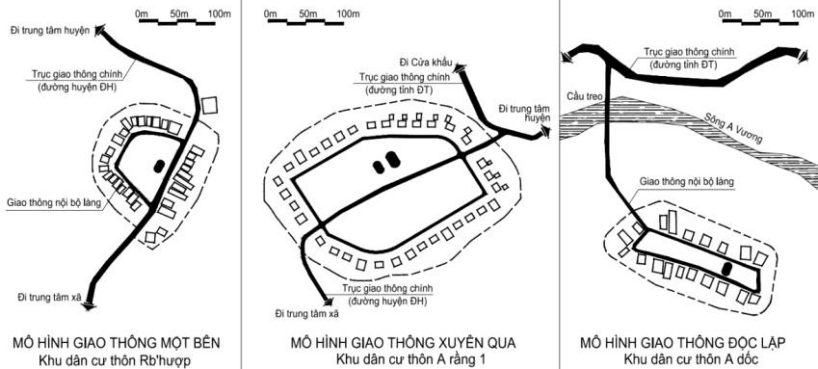
- Biến đổi hình thái không gian lõi làng:

+ Ranh giới lõi làng (Edge): quy mô diện tích phần lõi làng có xu hướng mở rộng hơn, cho nhiều dân cư sinh sống hơn.

+ Không gian cộng đồng (Community space): Trong lõi làng chỉ bao gồm 2 thành phần sử dụng đất cơ bản: bao gồm một không gian mở dành cho cộng đồng kết hợp với Gươl (hoặc nhà văn hóa) và các công trình nhà ở xung quanh. Cá biệt một số lõi làng có bố trí các công trình công cộng (giáo dục) nằm trong phạm vi lõi làng như thôn Axur (K'la, xã Dang), Thôn J'da (xã Lăng). Hình dạng lõi làng cũng biến đổi rất đa dạng, theo hướng tạo nên các cạnh thẳng như hình chữ nhật, hình thang, hình tam giác...

+ Điểm nhấn (Landmark): Gươl cần đảm bảo tính cộng đồng, có thể quan sát được từ các lô đất ở xung quanh. Trong số 40 lõi làng khảo sát, chỉ có 6 làng là chưa có Gươl (song vẫn đang trong quá trình chuẩn bị xây dựng). Tất cả các Gươl đều làm từ vật liệu truyền thống, do người

dân địa phương tự tổ chức thực hiện.



Hình 3.8 Biến đổi hình thái không gian lõi làng

### 3.2.4. Biến đổi các công trình kiến trúc

Bao gồm biến đổi theo hướng bổ sung (giữ nguyên các công trình truyền thống; bổ sung thêm các công trình mới đáp ứng nhu cầu sử dụng, tăng tiện nghi); bản địa, khôi phục (sử dụng hình thức, đặc trưng kiến trúc cũ với vật liệu, công nghệ mới, công năng mới); biến đổi theo hướng thay thế (sử dụng hình thức, đặc trưng kiến trúc hoàn toàn mới, vật liệu, công nghệ mới, công năng mới).

### 3.2.5. Đánh giá chung

- Tích cực và cơ hội: Các nguồn lực tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên được khai thác, sử dụng hợp lý hơn; tiết kiệm được quỹ đất xây dựng; khả năng chống chịu thiên tai, biến đổi khí hậu tăng lên. Không gian kiến trúc một số làng vẫn duy trì, nhiều làng còn giữ được lõi làng truyền thống và trở thành không gian trao truyền văn hóa. Các làng biến đổi theo hướng phục vụ tốt hơn cho nhu cầu sinh kế của người dân, gắn không gian cư trú với các không gian kinh tế. Hình thành các khu vực cư trú mật độ cao, khu trung tâm tạo cơ sở để phát triển, đáp ứng tốt hơn các yêu cầu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật. Công nghệ, vật liệu sử dụng theo hướng bền vững hơn, kinh tế, thích dụng hơn.

- Tiêu cực và thách thức: Sự suy giảm của rừng và xu hướng đánh

mất “văn hóa rừng”, “sinh kế rừng”; một số làng biến đổi và mở rộng tự phát, xu hướng từ bỏ đặc trưng. Sự suy giảm các giá trị văn hóa tại nhiều khu vực phát triển mới cùng với tăng cường các kết nối xã hội bên ngoài cộng đồng. Với không gian làng mở rộng, không có lõi làng, thành phần dân tộc cư trú trong làng biến đổi theo hướng đa dạng. Vai trò của trưởng làng và các quan hệ xã hội cộng đồng “thuần” người dân tộc Cơ Tu giảm sút. Tính bền vững của vật liệu xây dựng truyền thống thấp, tuổi thọ công trình ngắn; ở một số địa phương, vật liệu mới được áp dụng cho một số công trình truyền thống (Gươl) không phù hợp.

### **3.3. Dự báo biến đổi không gian kiến trúc làng dân tộc Cơ Tu**

Luận án đã dự báo không gian kiến trúc làng trong giai đoạn đến đến năm 2030, tầm nhìn năm 2050 về cơ bản biến đổi theo 03 xu hướng chính: Xu hướng bảo tồn (không gian làng về cơ bản được duy trì nguyên trạng, phát triển tiếp nối để đáp ứng các yêu cầu mới); Xu hướng tái thiết, phục dựng (không gian làng mới được tái thiết, phục dựng, tổ chức theo mô hình truyền thống); Xu hướng từ bỏ đặc trưng (không gian làng về cơ bản gần giống làng người Kinh, không còn những nét đặc trưng của dân tộc Cơ Tu).

Trên cơ sở đó, xác định 03 kịch bản phát triển: (1) Làng biến đổi theo xu hướng bảo tồn, phát triển tiếp nối không gian: Về cơ bản, giữ nguyên cấu trúc làng cũ, bảo lưu những giá trị cũ của làng truyền thống; tùy theo tính chất hình thái làng sẽ bố trí xen ghép hay mở rộng phù hợp. (2) Làng biến đổi theo xu hướng tái thiết, phục dựng các làng theo mô hình truyền thống. (3) Làng phi nông nghiệp tại các khu trung tâm, đô thị.

### **3.4. Định hướng phát triển tiếp nối không gian kiến trúc làng dân tộc Cơ Tu dựa trên lõi làng truyền thống**

#### **3.4.1. Mô hình quy hoạch tiếp nối dựa trên lõi truyền thống**

Luận án đề xuất mô hình điểm dân cư phát triển tiếp nối dựa trên lõi truyền thống làng dân tộc Cơ Tu bao gồm 2 thành phần chính: *lõi*

*làng truyền thống cố định và không gian phát triển tiếp nối linh hoạt.* Trong đó xây dựng lõi làng truyền thống cố định là nơi bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống; không gian phát triển tiếp nối linh hoạt bên ngoài bổ sung các điều kiện, tiêu chí để đảm bảo hình thành điểm định cư bền vững.

**3.4.1.1. Lõi làng truyền thống cố định:** Về cơ bản, lõi làng truyền thống vẫn là mô hình định cư truyền thống của người Cơ Tu. Tuy nhiên, có phần phát triển nhằm tăng cường mức độ tiện nghi sống.

- Về đối tượng cư trú: toàn bộ dành cho các hộ người Cơ Tu, ưu tiên người cùng dòng họ, có gắn bó lâu đời trong cùng một làng.

- Về các khu chức năng chính cố định: (1) công trình nhà ở (2) khu sinh hoạt cộng, bao gồm cả Gươl. Các công trình cộng cộng khác được bố trí ngoài lõi làng; trường hợp nằm trong ranh giới lõi làng thì xem xét, tính chất phục vụ đảm bảo nguyên tắc về đối tượng phục vụ chủ yếu là người dân tộc Cơ Tu.

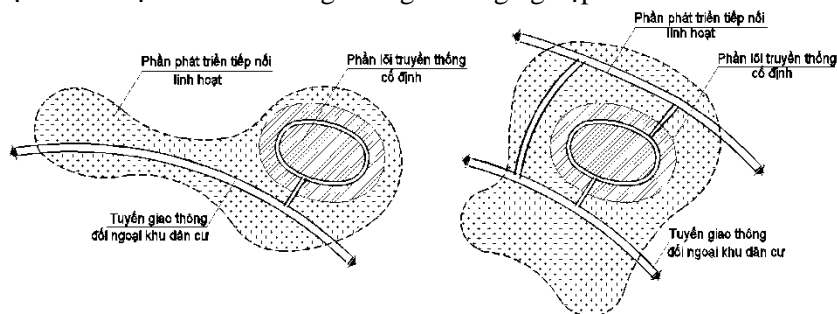
*Bảng 3.2 Các chỉ tiêu chính của lõi làng*

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng
1	Quy mô dân số	Từ 25-60 hộ, khoảng 80-250 người
2	Quy mô đất đai	Từ 0,7ha đến 4 ha
3	Chức năng, hạng mục công trình	Các lô đất ở Không gian cộng đồng, bao gồm Gươl

**3.4.1.2. Không gian phát triển tiếp nối linh hoạt:**

- Là phần bổ sung, phát triển mở rộng bên ngoài các lõi làng. Đối tượng cư trú đa dạng, không phân biệt dân tộc. Cấu trúc không gian linh hoạt, có thể là một lõi làng truyền thống mới (trong trường hợp đủ điều kiện hình thành một lõi làng) hoặc các dạng không gian khác. Các khu chức năng phân tiếp nối ngoài chức năng ở, không gian phát triển tiếp nối linh hoạt có thể chứa đựng tất cả các chức năng khác, trong đó quan tâm các chức năng để đảm bảo tiêu chí định cư bền vững cho khu vực lõi làng truyền thống.

- Về hướng mở rộng không gian phát triển tiếp nối linh hoạt: phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, đất đai, các cơ sở kinh tế-xã hội hình thành điểm dân cư. Bao gồm: (1) Phát triển đơn hướng: chủ yếu bám theo các trục giao thông chính dẫn vào làng. Ưu tiên áp dụng cho các làng có tỷ lệ dân cư mới chủ yếu là các dân tộc khác với các ngành nghề phi nông nghiệp. (2) Phát triển đa hướng: phát triển đều các hướng. Ưu tiên áp dụng cho các làng có địa hình thuận lợi; tỷ lệ dân cư mới chủ yếu là dân tộc Cơ Tu tại chỗ với các ngành nghề nông nghiệp là chính.



a) Phần lõi cố định trong phát triển đơn hướng    b) Phần lõi cố định trong phát triển đa hướng - bao vây

*Hình 3.16. Các dạng mô hình phát triển tiếp nối lõi làng*

### 3.4.2. Phát triển tiếp nối giá trị kiến trúc truyền thống dân tộc Cơ Tu

- Đối với các làng có lõi làng, đề xuất Gươl là công trình bảo tồn nguyên trạng, hạn chế tối đa thay đổi so với nguyên mẫu truyền thống. Để đáp ứng nhu cầu mới, có thể xem xét bằng cách bổ sung thêm công trình mới lân cận Gươl, tổ chức tầng hầm hoặc bán hầm...

- Một số giá trị kiến trúc đặc trưng kiến trúc truyền thống dân tộc Cơ Tu, có thể xem xét lồng ghép phù hợp như: Cột lể (sanuôr); Mặt bằng và mái công trình; Kết cấu nhà; Trang trí, điêu khắc.

### 3.4.3. Một số giải pháp quản lý, chính sách:

- Nâng cao nhận thức về vai trò của không gian kiến trúc làng đối với việc bảo tồn, phát huy vốn văn hóa truyền thống. Xây dựng Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn theo Luật kiến trúc gần

với thực hiện các hương ước, quy ước ở từng làng.

- Tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng và yêu cầu gắn với các yếu tố đặc thù. Quy trình thực hiện công tác quy hoạch xây dựng gắn với vai trò cộng đồng.

### **3.5. Bàn luận về kết quả nghiên cứu**

*a) Về đặc điểm không gian kiến trúc làng dân tộc Cơ Tu:* Luận án đã tiến hành khảo sát các làng dân tộc Cơ Tu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, tập trung vào các làng còn giữ được các đặc điểm truyền thống, có lõi làng truyền thống với 40 làng cụ thể; được lựa chọn từ 197 làng. Do vậy, các đặc điểm này không bao quát toàn bộ tất cả các làng Cơ Tu, mà vẫn còn nhiều làng với các đặc điểm không gian khác nhau. Giới hạn khảo sát này không nằm ngoài mục tiêu nghiên cứu đã xác định về đặc điểm biến đổi, định hướng không gian kiến trúc theo hướng phát triển tiếp nối. Luận án đã đưa ra khái niệm lõi làng truyền thống tạo cơ sở phân định không gian phục vụ đề xuất mô hình quy hoạch tiếp nối.

*b) Dự báo biến đổi trong giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn năm 2050*

- Luận án xác định 06 yếu tố tác động là nguyên nhân biến đổi không gian kiến trúc làng gồm: (1) tài nguyên thiên nhiên, (2) tài nguyên nhân văn, (3) tổ chức sinh kế, (4) tổ chức sống, quản trị, (5) tổ chức cộng sinh và (6) công nghệ, vật liệu. Các yếu tố này dựa trên lý thuyết định cư và các nghiên cứu của Khuất Tân Hưng, Trần Trung Chính, Nguyễn Hồng Thục, song không hoàn toàn trùng khớp do tác giả đã cụ thể hóa, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện của miền núi, vùng dân tộc thiểu số.

- Về 03 xu hướng biến đổi trong không gian làng: (1) xu hướng bảo tồn, (2) xu hướng tái thiết, phục dựng, (3) xu hướng từ bỏ đặc trưng; là đại diện cho các xu hướng biến đổi không gian kiến trúc làng Cơ Tu tỉnh Quảng Nam trong thời gian đã qua và cả trong tương lai. Tuy nhiên, kết quả này có tính khái quát hóa mang ý nghĩa tương đối. Trong thực

té, có thể có một số làng không thực sự nằm hoàn toàn trong ba xu hướng này, mà ở dạng hỗn hợp, lai ghép giữa các xu hướng.

*c) Về định hướng không gian kiến trúc làng theo hướng phát triển tiếp nối:* Luận án đề xuất mô hình quy hoạch tiếp nối dựa trên lõi truyền thống làng dân tộc Cơ Tu bao gồm 2 thành phần chính: Bảo tồn, phục dựng, tái thiết lõi làng truyền thống cố định là nơi bảo tồn các giá trị truyền thống, đóng vai trò là không gian thực hành, nuôi dưỡng và trao truyền các giá trị văn hóa tộc người; Không gian phát triển tiếp nối linh hoạt bên ngoài bổ sung các điều kiện, tiêu chí để đảm bảo hình thành điểm định cư bền vững.

*d) Đánh giá về khả năng đáp ứng của mô hình:* Luận án đã đánh giá khả năng đáp ứng của mô hình theo các cơ sở về: Hình thành điểm định cư bền vững; về bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; thông qua kết quả điều tra xã hội học có thể khẳng định được sự đồng thuận của đa số người dân địa phương.

*e) Sự tương đồng của mô hình quy hoạch tiếp nối dựa trên lõi làng truyền thống với các dân tộc thiểu số khác:* Phạm vi luận án chỉ nghiên cứu các chỉ tiêu cụ thể về mô hình quy hoạch tiếp nối dựa trên lõi làng truyền thống của dân tộc Cơ Tu. Song, về hình thái không gian làng của các dân tộc thiểu số khác cũng có sự tương đồng với những đặc trưng riêng. Nếu có thể nhận diện được đặc điểm không gian “lõi làng” của một dân tộc thiểu số khác thì từ các nguyên tắc của mô hình, hoàn toàn có thể vận dụng để đề xuất mô hình tương tự.

*f) Về định hướng phát triển tiếp nối các công trình kiến trúc:* Phạm vi nghiên cứu tập trung vào không gian tổng thể, chủ yếu là tương quan giữa các công trình với không gian chung của làng. Do vậy, không đi sâu vào các nội dung chi tiết của các công trình như bố cục bên trong các công trình, chi tiết trang trí.... Cần có những nghiên cứu riêng, chuyên sâu để bảo tồn, phát huy, phát triển tiếp nối các công trình kiến trúc dân tộc Cơ Tu trong giai đoạn hiện nay.



## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Trong thời gian qua, không gian kiến trúc làng dân tộc Cơ Tu đã và đang chịu nhiều tác động, có nhiều biến đổi. Trong thời gian đến, nhu cầu và khả năng phát triển nông thôn miền núi Quảng Nam là cao, dự báo sẽ có những biến đổi lớn về không gian kiến trúc làng dân tộc thiểu số nói chung và Làng dân tộc Cơ Tu nói riêng.

Luận án đã tiến hành khảo sát các làng dân tộc Cơ Tu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, xác lập cơ sở dữ liệu về không gian kiến trúc làng dân tộc Cơ Tu với hệ thống sơ đồ, dữ liệu phục vụ cho nghiên cứu không gian kiến trúc dựa trên các lý thuyết về hình thái học, lý thuyết về định cư và lý thuyết bảo tồn thích ứng. Trên cơ sở đó đã đạt được kết quả như mục tiêu nghiên cứu đề ra:

- Nhận diện đặc điểm biến đổi không gian kiến trúc làng: Luận án đã đưa ra khái niệm lõi làng truyền thống tạo cơ sở phân định không gian phục vụ đề xuất mô hình quy hoạch tiếp nối; xác định các đặc trưng biến đổi cơ bản ở cả 4 cấp độ không gian: biến đổi mạng lưới dân cư về vị trí định cư, không gian kiến trúc gắn với kinh tế, quy mô làng; biến đổi không gian cư trú; biến đổi không gian kiến trúc và lõi làng về ranh giới, chức năng và công trình điểm nhấn; biến đổi các công trình kiến trúc theo hướng bản địa, khôi phục, theo hướng thay thế.

- Dự báo sự biến đổi trong giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đánh giá tác động của 6 yếu tố ảnh hưởng chính: tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn, tổ chức sinh kế, tổ chức sống, quản trị, tổ chức cộng sinh, công nghệ, vật liệu; Luận án đã xác định các xu hướng biến đổi như xu hướng bảo tồn, xu hướng tái thiết, phục dựng, xu hướng từ bỏ đặc trưng với các biểu hiện chính về mặt không gian ở giá trị cốt lõi là lõi làng truyền thống. Trong đó, đối với các làng có lõi làng, dự báo có 3 kịch bản chính gồm biến đổi theo xu hướng bảo tồn, phát triển tiếp nối không gian; biến đổi theo xu hướng tái thiết, phục dựng các

làng theo mô hình truyền thống và biến đổi để hình thành làng phi nông nghiệp tại các khu trung tâm, đô thị.

- Đề xuất mô hình quy hoạch tiếp nối dựa trên lõi làng truyền thống làng dân tộc Cơ Tu bao gồm 2 thành phần chính: Lõi làng truyền thống cố định được bảo tồn, phục dựng, tái thiết, là nơi bảo tồn các giá trị truyền thống, đóng vai trò là không gian thực hành, nuôi dưỡng và trao truyền các giá trị văn hóa tộc người; Không gian phát triển tiếp nối linh hoạt bên ngoài bổ sung các điều kiện, tiêu chí để đảm bảo hình thành điểm định cư bền vững.

## **2. Kiến nghị**

Đã có nhiều nghiên cứu không gian kiến trúc làng truyền thống, song vẫn chưa có những nghiên cứu đặt trong bối cảnh hiện nay, các tác động và xu hướng biến đổi. Phạm vi Luận án nghiên cứu thực trạng và đề xuất hướng phát triển tiếp nối, tuy nhiên đặt trọng tâm vào không gian bên ngoài công trình. Đề xuất cần có một số nghiên cứu:

+ Nghiên cứu về sự biến đổi công trình kiến trúc dân tộc Cơ Tu trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kết quả nghiên cứu là các giải pháp kiến trúc, phương thức, vật liệu xây dựng hiện đại mang tính công nghiệp phù hợp lõi sống địa phương.

+ Nghiên cứu về lồng ghép các công cụ trong quản lý quy hoạch xây dựng không gian kiến trúc làng theo hướng đặc thù. không gian kiến trúc làng là một biểu hiện của văn hóa làng, bảo tồn, phát huy các giá trị không gian kiến trúc không tách rời khỏi các giải pháp mềm để các giá trị vật thể gắn với phần hoạt động, văn hóa. Kết quả nghiên cứu là các Tiêu chuẩn, quy định, hướng dẫn trong quy hoạch xây dựng phù hợp với đặc thù; hướng dẫn Quy chế quản lý kiến trúc làng theo Luật kiến trúc gắn với các thiết chế tự quản, các hương ước, quy ước ở từng làng nhằm đảm bảo sự kết hợp hài hòa giữa những thiết chế do luật pháp quy định với những quy định của luật tục và tri thức bản địa truyền thống của dân tộc Cơ Tu.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ**

<b>TT</b>	<b>Nội dung thực hiện</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Vai trò tham gia</b>
<b>A</b>	<b>Bài báo, bài viết</b>		
1	<i>Cấu trúc làng dân tộc Cơ Tu trong xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Nam</i> , Tạp chí Kiến trúc Việt Nam, số 215/2018, trang 32-35	2018	Đồng tác giả
2	<i>Đề xuất mô hình quy hoạch kiến trúc cho các dân tộc miền núi tỉnh Quảng Nam</i> , Kỷ yếu Hội thảo: Cấu trúc làng trong quá trình xây dựng nông thôn mới và sắp xếp dân cư miền núi tỉnh Quảng Nam, trang 61-70.	2018	Tác giả
3	<i>Cấu trúc dân tộc Cơ Tu - điểm nhấn trong xây dựng nông thôn mới và sắp xếp dân cư miền núi tỉnh Quảng Nam</i> , Kỷ yếu Hội thảo: Cấu trúc làng trong quá trình xây dựng nông thôn mới và sắp xếp dân cư miền núi tỉnh Quảng Nam, trang 101-109.	2018	Đồng tác giả
4	<i>Định hướng quy hoạch các không gian kinh tế xã nông thôn mới vùng kinh tế trọng điểm miền Trung ven đô gắn với định hướng đô thị hóa, tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn</i> , Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế: Giải pháp quy hoạch xã nông thôn mới ven đô nhằm tăng cường liên kết đô thị-nông thôn và phù hợp với định hướng đô thị hóa, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội	2020	Tác giả
5	<i>Phát triển tiếp nối không gian định cư truyền thống Làng dân tộc Cơ Tu, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam</i> , Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Thực tiễn quốc tế "Phát triển bền vững các vùng lãnh thổ", Moscow (Liên bang Nga).	2022	Đồng tác giả
<b>B</b>	<b>Đề tài nghiên cứu khoa học</b>		
1	<i>Cấu trúc làng và sắp xếp, bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Nam</i> , Đề tài NCKH cấp tỉnh, Quảng Nam.	2018-2020	Thành viên tham gia chính